

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **88/2019/HS-PT**
Ngày 22-3-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng
Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa
Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/HSPT ngày 16/01/2019 đối với các bị cáo Lê Diễm P và Hoàng Q, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 92/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Diễm P, sinh năm 1982, tại Bến Tre.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ B, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp, chức vụ trước khi khởi tố: Kế toán, nguyên Kế toán trưởng Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông T. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông T, sinh năm 1957 và bà H, sinh năm 1957. Có chồng V, sinh năm: 1982. Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, ngày 15/12/2014 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Hoàng Q, sinh năm 1962, tại Quảng Trị.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp, chức vụ trước khi khởi tố: Giáo viên, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông T; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông E, sinh năm 1941 và bà T, sinh năm 1941. Có vợ A, sinh năm 1970. Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, ngày 15/12/2014 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Diễm P: Luật sư LQY – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung học cơ sở T (Trường THCS T), địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 3750/QĐ-CT.UBH ngày 26/5/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 05/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2081/QĐ-UBND, về việc thành lập Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông T (Trường THCS-THPT T) trên cơ sở Trường THCS T cũ, kể từ năm học 2013 - 2014, chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

Bị cáo Lê Diễm P, là nhân viên phụ trách kế toán Trường THCS T theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND, ngày 04/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Tại Quyết định số 38/QĐ-SGDĐT ngày 22/8/2015, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GD&ĐT) tỉnh Đồng Nai bổ nhiệm Lê Diễm P phụ trách kế toán Trường THCS -THPT T giữ chức vụ Kế toán trưởng, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm kể từ ngày ký quyết định.

Bị cáo Hoàng Q được bổ nhiệm giữ chức vụ hiệu trưởng Trường THCS-THPT T kể từ ngày 01/3/2014, theo Quyết định số 124/QĐ-SGDĐT của giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh. Thời gian giữ chức vụ là 05 năm kể từ ngày ký quyết định.

Trong thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng và Kế toán trưởng Trường THCS - THPT T, bị cáo Hoàng Q và Lê Diễm P đã có hành vi phạm tội như sau:

1. Đối với Lê Diễm P – Nguyên Kế toán trưởng Trường THCS - THPT T

a. Hành vi chiếm đoạt tiền hỗ trợ chi phí học tập, ăn, ở cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong năm tài chính 2014:

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư liên tịch, hướng dẫn, sửa đổi các qui định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập bao gồm: Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn,

giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm 2014 - 2015; Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 (thay thế TTLT số 29/2010) hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm 2014 - 2015.

Ngày 27/12/2013, Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1096/QĐ-SGDĐT giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2014 cho Trường THCS - THPT T, số tiền dự toán chi ngân sách (kinh phí thực hiện tự chủ) là 7.117.536.000đ để trường sử dụng.

Sau khi nghiên cứu các văn bản và dự toán kinh phí chi ngân sách được cấp năm 2014 của Sở GD&ĐT tỉnh, mặc dù nhà trường chưa thành lập Hội đồng xét duyệt, bị cáo Lê Diễm P phụ trách kế toán của Trường THCS - THPT T vẫn lập danh sách 48 học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tiền chi phí học tập, ăn ở với tổng số tiền là 248.400.000đ, trình cho bị cáo Hoàng Q - Hiệu trưởng ký duyệt danh sách và lập các thủ tục đề nghị Sở GD & ĐT tỉnh phê duyệt.

Trong thời gian chờ duyệt thì P được Phòng Kế hoạch - Tài chính huyện Đ và Sở GD&ĐT tỉnh thông báo học sinh thuộc ấp 6 và ấp 8 xã T không được công nhận là địa bàn đặc biệt khó khăn, nên không được hỗ trợ. Ngày 09/9/2014, P lập lại danh sách 20 học sinh thuộc ấp 3 và ấp 7 xã T với số tiền được hỗ trợ là 82.800.000đ, trình bị cáo Q ký xác nhận rồi gửi danh sách về Sở GD&ĐT tỉnh để xin phê duyệt.

Ngày 02/10/2014, dù chưa nhận được danh sách học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở có phê duyệt của Sở GD&ĐT tỉnh nhưng bị cáo P vẫn làm thủ tục trình bị cáo Q ký giấy rút tạm ứng số tiền 261.914.000đ từ nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn NSNN 13) tại Kho bạc nhà nước huyện Đ. Trong đó có nội dung chi hỗ trợ tiền ăn ở cho 48 học sinh năm học 2013 - 2014 với số tiền 248.400.000đ (Giấy rút dự toán ngân sách số RDT085 ngày 02/10/2014).

Tại thời điểm này, chị Trần Thị H là thủ quỹ của Trường THCS - THPT T đang nghỉ chế độ thai sản nên chị Trần Thị Thu H1, là giáo viên của trường được phân công làm thủ quỹ tạm thời từ ngày 20/8/2014 đến ngày 20/02/2015 (theo Quyết định số 29/QĐ-THCS-THPT ngày 20/8/2014 do bị cáo Q ký). Khi giao nhiệm vụ thủ quỹ cho chị H1, bị cáo Q có dặn: Nếu lịch phát tiền hỗ trợ cho học sinh trùng với lịch dạy học của chị H1 thì nhờ bị cáo P phát tiền giữ.

Sau khi nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước huyện Đ, chị H1 có gọi điện thoại báo cho bị cáo Q biết việc chị H1 đưa tiền cho bị cáo P và được bị cáo Q đồng ý

nên chị H1 đã giao cho bị cáo P số tiền 248.400.000đ, theo danh sách 48 học sinh được hỗ trợ.

Nhận được số tiền trên, bị cáo P phát cho 19 học sinh (theo danh sách 20 học sinh đã được Sở GD&ĐT tỉnh duyệt) số tiền là 78.660.000đ. Do danh sách thiếu số thứ tự số 12, nên thực tế bị cáo P chỉ phát cho 19 học sinh số tiền là 74.520.000đ, còn 4.140.000đ bị cáo P chiếm đoạt cùng với số tiền 165.600.000đ của 28 học sinh trên danh sách 48 học sinh bị cáo đã lập trước đây chưa được Sở GD&ĐT tỉnh duyệt.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 169.740.000đ, để hợp thức hóa chứng từ, bị cáo P đã viết giấy đề nghị chi số PC030 và phiếu chi số PC030 đề ngày 02/10/2014, bảng kê chứng từ thanh toán, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, rồi trình bị cáo Q ký duyệt và sử dụng danh sách 265 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đợt 1 năm học 2013 - 2014 với số tiền là 163.870.000đ đã được quyết toán với Phòng LĐTĐ&XH huyện Đ trước đó và lập thêm danh sách 05 học sinh được hỗ trợ với số tiền là 1.750.000đ rồi ký giả vào danh sách nhận tiền lập thêm. Sau đó, bị cáo P dùng 02 danh sách này để quyết toán với Kho bạc nhà nước huyện Đ.

Ngày 11/12/2014, Kho bạc nhà nước huyện Đ đồng ý thanh toán số tiền 261.914.000đ (bằng với số tiền đã tạm ứng ngày 02/10/2014). Nhưng trong hồ sơ quyết toán do Kho bạc lưu trữ thì không có các danh sách ký nhận tiền hỗ trợ nói trên.

Ngày 27/3/2015, Sở GD&ĐT tỉnh đã duyệt các khoản chi trong năm 2014 của trường THCS - THPT T, trong đó có số tiền 248.400.000 đồng chi hỗ trợ cho học sinh.

Đối với danh sách 05 học sinh ký nhận số tiền 1.750.000đ mà bị cáo P đã lập thêm, bị cáo khai nhận khi bị phát hiện bị cáo P đã huỷ bỏ bản danh sách này nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Như vậy, trong năm 2014, với thủ đoạn như trên, bị cáo Lê Diễm P đã chiếm đoạt của ngân sách nhà nước tổng số tiền là 169.740.000đ. Khi sự việc bị phát hiện, ngày 07/4/2016, bị cáo P đã nộp trả số tiền 4.140.000đ cho nhà trường. Đến ngày 11/7/2016, bị cáo P nộp trả cho nhà trường số tiền 165.600.000đ. Ngày 08/8/2016 và ngày 12/7/2016 nhà trường đã nộp vào ngân sách số tiền 4.140.000đ và số tiền 165.600.000đ (Giấy nộp trả kinh phí ngày 08/8/2016 và ngày 12/7/2016).

b. Hành vi chiếm đoạt 105.800.000đ tiền chi hỗ trợ chi phí ăn, ở cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong học kỳ 1 năm học 2014 - 2015 (thuộc năm tài chính 2015):

Đầu năm học 2014 - 2015, bị cáo P lập danh sách 64 học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở với số tiền là 259.325.000đ (Biên bản họp xét duyệt của Trường THCS - THPT T đề ngày 20/9/2014, Sở GD&ĐT tỉnh duyệt ngày 17/12/2014). Trong đó có: 64/64 học sinh được hỗ trợ trong học kỳ 1 với số tiền 147.200.000đ và 39/64 học sinh được hỗ trợ trong học kỳ 2 với số tiền

112.125.000đ. Trong danh sách này, chỉ có 40 học sinh là đúng đối tượng còn lại bị cáo P đã lập không 24 học sinh của học kỳ 1, 07 học sinh học kỳ 2.

Ngoài ra, bị cáo P lập danh sách 294 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập với số tiền là 88.270.000đ (Biên bản họp xét duyệt của Trường THCS - THPT T đề ngày 15/9/2014, Sở GD&ĐT tỉnh duyệt ngày 17/12/2014). Trong đó có: 294/294 học sinh được hỗ trợ trong học kỳ 1 với số tiền 82.320.000đ và 17/294 học sinh được hỗ trợ trong học kỳ 2 với số tiền 5.950.000đ.

Ngày 31/12/2014, Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh ký Quyết định số 1052/QĐ-SGDĐT, về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2015, trong đó dự toán chi ngân sách (kinh phí không tự chủ) cho trường THCS - THPT T gồm: Hỗ trợ chi phí học tập năm 2014 - 2015 với số tiền 88.270.000đ, hỗ trợ cho học sinh theo Quyết định số 12/QĐ-TTg là 259.300.000đ.

Ngày 21/01/2015, bị cáo P lập thủ tục rút tiền tạm ứng dự toán tại Kho bạc nhà nước huyện Đ rồi trình cho bị cáo Q ký, nội dung chi hỗ trợ học sinh học kỳ 1 năm học 2014 - 2015 với số tiền là 229.520.000đ, trong đó: hỗ trợ ăn, ở số tiền 147.200.000đ, hỗ trợ chi phí học tập số tiền 82.320.000đ (Giấy rút dự toán số RDT005 ngày 21/01/2015 do bị cáo Hoàng Q ký).

Sau đó, chị Trần Thị Thu H1 (thủ quỹ) đến Kho bạc nhà nước huyện Đ nhận tiền. Sau khi nhận tiền về trường, bị cáo P nói chị H1 đưa toàn bộ số tiền 229.520.000đ cho bị cáo P (bị cáo có ký nhận vào sổ của chị H1 ngày 22/01/2015) để tiến hành phát cho học sinh. Chị H1 có gọi điện thoại báo cho bị cáo Q biết việc chị H1 đưa tiền cho bị cáo P và được bị cáo Q đồng ý.

Sau khi nhận tiền, bị cáo P đã phát hết số tiền 82.320.000đ chi phí hỗ trợ học tập cho phụ huynh của 294 học sinh có tên trong danh sách rồi viết Giấy đề nghị chi số PC003 và Phiếu chi số PC003 ngày 03/4/2015, đưa cho chị H1 ký tên rồi trình cho bị cáo Q ký.

Đối với số tiền 147.200.000đ hỗ trợ chi phí ăn, ở cho 64 học sinh, bị cáo P chỉ chi cho 18 trường hợp với số tiền 41.400.000đ (trong đó: chi sai 01 đối tượng với số tiền là 2.300.000đ). Còn lại 46 trường hợp với số tiền 105.800.000đ, bị cáo P không chi mà chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân. Để hợp thức hóa thủ tục, khi phát tiền hỗ trợ chi phí học tập, bị cáo P đưa cho phụ huynh học sinh ký vào danh sách nhận tiền hỗ trợ ăn, ở để chiếm đoạt. Sau đó, bị cáo viết Phiếu chi số PC002 ngày 03/4/2015 với số tiền 147.200.000đ trình bị cáo Q ký và sử dụng để quyết toán với Kho bạc nhà nước huyện Đ.

Ngày 29/6/2015, Kho bạc nhà nước huyện Đ đã đồng ý thanh toán số tiền 337.570.000đ, trong đó có số tiền 147.200.000đ chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh học kỳ 1 năm học 2014 - 2015. Kho bạc nhà nước huyện Đ không lưu trữ danh sách 64 học sinh ký nhận tiền và phiếu chi số tiền 147.200.000đ. Sau khi bị cáo P đã nộp số tiền trên vào Kho bạc nhà nước, bị cáo đã tự ý bỏ danh sách ký nhận tiền nói trên, trước khi cơ quan Thanh tra tiến hành kiểm tra, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Như vậy, với thủ đoạn trên, bị cáo Lê Diễm P đã chiếm đoạt số tiền 105.800.000đ từ việc chi hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh Trường THCS - THPT T trong học kỳ 1 năm học 2014 - 2015. Khi bị phát hiện, ngày 03/3/2016 bị cáo P đã nộp trả số tiền 105.800.000đ cho ngân sách nhà nước (Giấy nộp trả kinh phí ngày 03/3/2016).

c. Hành vi chiếm đoạt số tiền 20.125.000đ từ việc chi hỗ trợ chi phí ăn, ở trong học kỳ 2 năm học 2014 – 2015 (thuộc năm tài chính 2015):

Ngày 04/3/2015, Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 159/QĐ-SGDĐT bổ nhiệm ông Nguyễn Văn T giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS - THPT T thay cho bị cáo Hoàng Q.

Ngày 15/5/2015, bị cáo P lập thủ tục rút tiền tạm ứng dự toán tại Kho bạc nhà nước Đ, chi hỗ trợ học sinh học kỳ 2 năm học 2014 - 2015 với tổng số tiền 118.075.000đ. Trong đó: Hỗ trợ ăn, ở số tiền 112.125.000đ, hỗ trợ chi phí học tập số tiền 5.950.000đ (Giấy rút dự toán ngân sách số RDT044 ngày 15/5/2015 do ông T ký). Tại thời điểm này, chị H (thủ quỹ) đã hết thời gian nghỉ thai sản nên chị H đã đi nhận số tiền 112.125.000đ tại Kho bạc nhà nước huyện Đ.

Sau khi nhận tiền, chị H đã trực tiếp phát cho 13 trường hợp được hỗ trợ chi phí học tập với số tiền 4.550.000đ, 27 trường hợp được hỗ trợ chi phí ăn, tiền ở với số tiền 77.625.000đ. Ngoài ra, còn phát cho 04 trường hợp được hỗ trợ chi phí học tập với số tiền 1.400.000đ và 03 trường hợp được hỗ trợ tiền ăn, ở với số tiền 8.625.000đ nhưng đã nghỉ học nên chị H đã nộp trả ngân sách ngày 19/6/2015 số tiền 1.400.000đ và ngày 19/6/2015 số tiền 8.625.000đ.

Còn lại 09 trường hợp học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở với số tiền 25.875.000đ chị H giao cho bị cáo P phát giùm vì bị cáo P nói những học sinh này ở gần nhà bị cáo P. Trong đó, bị cáo P chi cho 01 trường hợp đúng đối tượng và chi sai 01 trường hợp với số tiền là 2.875.000đ, còn lại 07 trường hợp do bị cáo P lập khống với số tiền là 20.125.000đ, bị cáo P đã chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân.

Với thủ đoạn trên bị cáo P đã gây thiệt hại tổng số tiền là 23.000.000đ (trong đó: bị cáo tham ô số tiền 20.125.000đ, chi sai 01 đối tượng số tiền 2.875.000đ).

Ngày 29/6/2015, Kho bạc nhà nước huyện Đ đã đồng ý thanh toán số tiền 337.570.000đ (Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, ứng trước số BKTT008 ngày 29/6/2015, do ông T ký), trong đó có 108.050.000đ chi hỗ trợ học kỳ 2 năm học 2014 - 2015 và 229.520.000đ chi hỗ trợ học kỳ 1 năm học 2014 - 2015 (trong đó có 147.200.000đ chi hỗ trợ tiền ăn, tiền ở).

Khi bị phát hiện, ngày 01/3/2016, bị cáo P đã nộp trả cho trường số tiền 20.125.000đ và nhà trường đã nộp trả ngân sách nhà nước vào ngày 08/8/2016 (Giấy nộp trả kinh phí ngày 08/8/2016).

2. Đối với bị cáo Hoàng Q - Nguyên Hiệu trưởng Trường THCS - THPT T, huyện Đ

Từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015, bị cáo Hoàng Q với cương vị là Hiệu trưởng Trường THCS - THPT T, bị cáo Q đã buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý tài chính, không tổ chức thành lập Hội đồng xét duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, chi phí hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh của trường, mà giao cho bị cáo Lê Diễm P lập danh sách và không kiểm tra việc cấp phát tiền. Từ đó, bị cáo P đã lập khống danh sách, không cấp phát tiền cho phụ huynh và học sinh được hỗ trợ tiền theo qui định, bị cáo Q đã buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm kiểm tra giám sát và ký hợp thức hồ sơ chứng từ cho bị cáo P thanh quyết toán nên đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tiền 280.715.000đ. Do đó, bị cáo Hoàng Q phải chịu trách nhiệm về hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” với số tiền là 280.715.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/2018/HSST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

- Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 353, các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Diễm P 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 360, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hoàng Q 08 (tám) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/12/2018, bị cáo Lê Diễm P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 03/12/2018, bị cáo Hoàng Q kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo P trình bày quan điểm:

Bị cáo Lê Diễm P có thực hiện hành vi sai trái nhưng không có ý thức chiếm đoạt tài sản của Nhà nước vì bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm dụng trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án. Nếu hành vi của bị cáo cấu thành tội phạm thì có thể là tội danh khác, không phải tham ô tài sản. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đặc biệt, bị cáo đã khắc phục, hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm dụng, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Diễm P thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Q thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 360 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, xử phạt bị cáo Lê Diễm P 07 (bảy) năm tù, xử phạt bị cáo Hoàng Q 08 (tám) tháng tù là đúng quy định

của pháp luật. Đối với những tài liệu hai bị cáo mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ tháng 10/2014 đến tháng 06/2015, bị cáo Lê Diễm P - nguyên Kế toán trưởng trường THCS - THPT T lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình và sự buông lỏng quản lý của bị cáo Hoàng Q và ông Nguyễn Văn T - Hiệu trưởng nhà trường, có hành vi gian dối, giả mạo trong việc lập danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, chi phí ăn, ở; lập danh sách chi tiền và thủ tục thanh quyết toán, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền 295.665.000đ.

Bị cáo Hoàng Q, Hiệu trưởng trường THCS - THPT T từ năm 2013 đến năm 2015, đã buông lỏng, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý. Từ đó, để bị cáo P đã lập khống danh sách, không cấp phát tiền cho học sinh được hỗ trợ theo quy định, ký hợp thức hồ sơ chứng từ cho bị cáo P thanh quyết toán để chiếm đoạt số tiền 280.715.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Lê Diễm P phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 353; bị cáo Hoàng Q phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, theo điểm d, khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà hai bị cáo thực hiện, đồng thời, xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà hai bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo Lê Diễm P 07 (bảy) năm tù, xử phạt bị cáo Hoàng Q 08 (tám) tháng tù là đã có phần giảm nhẹ.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp bổ sung một số tài liệu thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân có thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng,... nhưng những tình tiết này đều thuộc quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong khi đó, như đã phân tích trên, hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là đã có phần giảm nhẹ. Vì vậy, kháng cáo của hai bị cáo không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Diễm P và bị cáo Hoàng Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 92/2018/HSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ:

- Tuyên bố bị cáo Lê Diễm P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Diễm P: 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Q phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 360; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Hoàng Q: 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Lê Diễm P và bị cáo Hoàng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Đ;
- VKSND H. Đ;
- Cơ quan THAHS CA H. Đ;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đ;
- Chi cục THADS H. Đ;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng